

Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Petitioner/s (*person/s who started this case*):
(Các) Nguyên Đơn ((những) người đã khởi đầu
vụ án này):

No. _____
Số _____

Order on Motion for Reconsideration
Lệnh Kiến Nghị Xem Xét Lại

And Respondent/s (*other party/parties*):
Và (Các) Bị Đơn ((các) đương sự còn lại):

(ORMRC)
(ORMRC)

Order on Motion for Reconsideration
Lệnh Kiến Nghị Xem Xét Lại

Use this form with the Motion for Reconsideration, PO 100.
Sử dụng mẫu đơn này cùng với Kiến Nghị Xem Xét Lại, PO 100.

1. Basis
Cơ sở

The (*check one*) ☐ Petitioner ☐ Respondent filed a motion under CR 59 asking the court to reconsider the following previous order/s issued on (*date*) _____ by (*judge or commissioner's name*): _____
(đánh dấu một mục) [-] Nguyên Đơn [-] Bị Đơn đã nộp kiến nghị theo CR 59 yêu cầu tòa án xem xét lại (các) lệnh trước đó sau đây được ban hành vào (ngày) bởi (tên của thẩm phán hoặc ủy viên):

☐ *Protection Order*
Lệnh Bảo Vệ

☐ *Order to Surrender and Prohibit Weapons*
Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí

☐ *Denial Order*
Lệnh Từ Chối

☐ Other: _____
Khác:

2. Hearing *Phiên Xét Xử*

The court has considered the motion and any supporting documents, any response from the other party, and any other documents from the court record identified by the court.

Tòa án đã xem xét kiến nghị và bất kỳ văn kiện chứng minh nào, bất kỳ phản hồi nào từ đương sự còn lại và bất kỳ văn kiện nào khác trong hồ sơ tòa án được xác định bởi tòa án.

The court:

Tòa án:

- ☐ decided this motion without a hearing.
đã quyết định kiến nghị này mà không có phiên xét xử.
- ☐ held a hearing on the motion on (date) _____
đã tiến hành phiên xét xử kiến nghị vào (ngày)
- ☐ heard testimony or argument from (name/s) _____
đã lắng nghe và xét xử lời khai hoặc lập luận từ ((các) tên)

3. Findings *Phán Quyết*

The court finds:

Tòa án nhận thấy:

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and extend across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

4. Conclusions

Kết Luận

The motion [] **was** [] **was not** filed and served by the deadline for reconsideration.

Kiến nghị [-] **đã** được nộp [-] **đã không** được nộp và tổng đặt trước hạn cuối để xem xét lại.

- ☐ The moving party has **not** shown a reason for reconsideration under Civil Rule 59(a).

Đương sự kiến nghị đã **không** đưa ra lý do để xem xét lại theo Quy Tắc Dân Sự 59(a).

- [] The moving party **has shown** a reason for reconsideration under Civil Rule 59(a), specifically (*check all that apply*):
Đương sự kiến nghị đã **đưa ra** lý do để xem xét lại theo Nguyên Tắc Dân Sự 59(a), cụ thể (đánh dấu tất cả mục thích hợp):
- [] **Irregularity** in the proceedings of the court or the other party, or any order of the court, or abuse of discretion, by which the moving party was prevented from having a fair hearing;
Sự bất thường trong thủ tục tố tụng của tòa án hoặc đương sự còn lại, hoặc bất kỳ lệnh nào của tòa án, hay lạm dụng quyền tự quyết định, khiến đương sự kiến nghị bị ngăn cản có được một phiên xét xử công bằng;
- [] **Misconduct** of prevailing party;
Hành vi sai trái của đương sự thắng kiện;
- [] **Accident or surprise** which ordinary prudence could not have guarded against;
Tai nạn hoặc bất ngờ mà sự thận trọng thông thường không thể đề phòng được;
- [] **Newly discovered evidence**, material to the moving party's case, which the moving party could not with reasonable diligence have discovered and produced at the hearing;
Bằng chứng mới được phát hiện, tài liệu cho vụ án của đương sự kiến nghị, mà đương sự kiến nghị không thể phát hiện và trình bày tại phiên xét xử một cách cẩn trọng hợp lý;
- [] **Damages** so excessive or inadequate as unmistakably to indicate that the decision must have been the result of passion or prejudice;
Thiệt hại quá mức hoặc không đầy đủ đến mức không thể nhầm lẫn để cho biết rằng quyết định này phải là kết quả của đam mê hoặc thành kiến;
- [] **Error** in the amount of recovery whether too large or too small for the injury or detention of property;
Sai sót về số tiền thu hồi quá lớn hoặc quá nhỏ đối với tổn hại hoặc tạm giữ tài sản;
- [] **That there is no evidence** or reasonable inference from the evidence to justify the decision, or that it is contrary to law;
Rằng không có bằng chứng hoặc can thiệp hợp lý nào từ bằng chứng để biện minh cho quyết định hoặc quyết định đó trái pháp luật;
- [] **Error in law occurring** at the hearing that the moving party objected to at the time; or
Sai sót về pháp luật xảy ra tại phiên xét xử mà đương sự kiến nghị đã phản đối vào thời điểm này; hoặc
- [] **That substantial justice has not been done.**
Sự công bằng đáng kể đó đã không được thực hiện.

And the following other legal authority (*if any*):
Và thẩm quyền pháp lý khác sau đây (nếu có):

5. **Order**
Lệnh

The *Motion for Reconsideration* is:
Kiến Nghị Xem Xét Lại:

[] **Denied.**

Bị từ chối.

[] **Granted.** The court shall issue the following amended orders today:
Được chấp nhận. Hôm nay, tòa án sẽ ban hành các lệnh sửa đổi sau đây:

[] *Protection Order* (PO 040)
Lệnh Bảo Vệ (PO 040)

[] *Order to Surrender and Prohibit Weapons* (WS 001)
Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí (WS 001)

[] *Denial Order* (PO 070)
Lệnh Từ Chối (PO 070)

Ordered.
Lệnh.

Dated: _____ at _____ a.m./p.m.
Đề ngày: _____ lúc _____ a.m./p.m.

Judge/Court Commissioner
Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án

Presented by:
Được đại diện bởi:



Signature of moving party/Lawyer WSBA No.
Chữ ký của đương sự kiến nghị/Luật sư *WSBA Số*

Print Name Date
Tên Viết In *Ngày*

I received a copy of this Order:
Tôi đã nhận được một bản sao Lệnh này:



Signature of non-moving party/Lawyer WSBA No.
Chữ ký của đương sự không kiến nghị/Luật sư *WSBA Số*

Print Name Date
Tên Viết In *Ngày*